

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024
(THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP, NGÀY 27/8/2021 CỦA CHÍNH PHỦ)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày /02/2024 của UBND huyện Bắc Hà)

Kinh phí: nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số học sinh được HTCPHT học kỳ II, năm học 2023-2024	Số tháng được hưởng chế độ/học kỳ II	Mức hỗ trợ chi phí học tập (01 học sinh/tháng)	Tổng kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, học kỳ II, năm học 2023-2024	Ghi chú
Tổng cộng I+II+III		13.546	5	150	10.159.500	
I	CẤP MẦM NON	3.500	5	150	2.625.000	
1	MN Bản Cái	77	5	150	57.750	
2	MN Bản Liền	158	5	150	118.500	
3	MN Bản Phố	167	5	150	125.250	
4	MN Bảo Nhai	214	5	150	160.500	
5	MN Cốc Lầu	186	5	150	139.500	
6	MN Cốc Ly	434	5	150	325.500	
7	MN Hoàng Thu Phố	301	5	150	225.750	
8	MN Lùng Cái	234	5	150	175.500	
9	MN Lùng Phình	228	5	150	171.000	
10	MN Na Hối	129	5	150	96.750	
11	MN Nậm Đét	71	5	150	53.250	
12	MN Nậm Khánh	79	5	150	59.250	
13	MN Nậm Lức	229	5	150	171.750	
14	MN Nậm Mòn	200	5	150	150.000	
15	MN Tà Chải	54	5	150	40.500	
16	MN Tả Củ Tỷ	228	5	150	171.000	
17	MN Tả Van Chư	236	5	150	177.000	
18	MN Thái Giàng Phố	263	5	150	197.250	
19	MN Thị trấn	12	5	150	9.000	
II	CẤP TIỂU HỌC	6.063	5	150	4.547.250	
1	TH Thị trấn	52	5	150	39.000	
2	TH Tà Chải	90	5	150	67.500	
3	TH Na Hối	159	5	150	119.250	
4	TH Bảo Nhai A	130	5	150	97.500	
5	PTDTBT TH Bảo Nhai B	267	5	150	200.250	
6	PTDTBT TH Bản Phố	289	5	150	216.750	
7	PTDTBT TH Cốc Lầu	318	5	150	238.500	
8	PTDTBT TH Cốc Ly 1	472	5	150	354.000	

9	PTDTBT TH Cốc Ly 2	328	5	150	246.000	
10	PTDTBT TH Nậm Mòn 1	173	5	150	129.750	
11	PTDTBT TH Nậm Mòn 2	168	5	150	126.000	
12	PTDTBT TH Nậm Lúc	394	5	150	295.500	
13	PTDTBT TH Nậm Đét	151	5	150	113.250	
14	PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 1	220	5	150	165.000	
15	PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 2	221	5	150	165.750	
16	PTDTBT TH Lùng Phình 1	182	5	150	136.500	
17	PTDTBT TH Lùng Phình 2	223	5	150	167.250	
18	PTDTBT TH Thái Giàng Phố	510	5	150	382.500	
19	PTDTBT TH&THCS Bản Cái	163	5	150	122.250	
20	PTDTBT TH&THCS Bản Liền	286	5	150	214.500	
21	PTDTBT TH&THCS Lùng Cái	407	5	150	305.250	
22	PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh	161	5	150	120.750	
23	PTDTBT TH&THCS Tả Văn Chư	337	5	150	252.750	
24	PTDTBT TH&THCS Tả Củ Tỷ 1	199	5	150	149.250	
25	PTDTBT TH&THCS Tả Củ Tỷ 2	163	5	150	122.250	
III	CẤP THCS	3.983	5	150	2.987.250	
1	THCS Thị trấn	55	5	150	41.250	
2	THCS Tà Chải	108	5	150	81.000	
3	THCS Na Hối	47	5	150	35.250	
4	THCS Bảo Nhai	229	5	150	171.750	
5	PTDTBT THCS Nậm Mòn	198	5	150	148.500	
6	PTDTBT THCS Hoàng Thu Phố	327	5	150	245.250	
7	PTDTBT THCS Bản Phố	171	5	150	128.250	
8	PTDTBT THCS Thái Giàng Phố	372	5	150	279.000	
9	PTDTBT THCS Cốc Ly 1	295	5	150	221.250	
10	PTDTBT THCS Cốc Ly 2	212	5	150	159.000	
11	PTDTBT THCS Cốc Lầu	216	5	150	162.000	
12	PTDTBT THCS Nậm Đét	109	5	150	81.750	
13	PTDTBT THCS Nậm Lúc	266	5	150	199.500	
14	PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh	130	5	150	97.500	
15	PTDTBT TH&THCS Tả Củ Tỷ 1	189	5	150	141.750	
16	PTDTBT TH&THCS Tả Củ Tỷ 2	156	5	150	117.000	
17	PTDTBT TH&THCS Bản Cái	141	5	150	105.750	
18	PTDTBT TH&THCS Bản Liền	207	5	150	155.250	
19	PTDTBT TH&THCS Lùng Cái	279	5	150	209.250	
20	PTDTBT TH&THCS Tả Văn Chư	276	5	150	207.000	